



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020931	Nguyễn Minh	Anh	09/07/2004	KD10A	01	1	8,3	01	Anh	6'
2	000002	1001020073	Hà Linh	Chi	17/12/2004	KD10A	01	2	2,9	01	Chi	HP chẵn
3	000003	1001020102	Đặng Thị Thu	Hà	28/09/2004	KD10A	01	3	7,5	01	Thu	lẻ
4	000004	1001020472	Lương Tuấn	Anh	06/08/2004	KD10B	01	4	3,5	01	Anh	Chẵn
5	000005	1001021408	Cao Thị	Giang	19/10/2004	KD10B	01	5	5,7	01	Giang	HP lẻ
6	000006	1001020159	Đào Hoàng	Lan	15/11/2004	KD10B	01	6	2,5	01	Lan	Chẵn
7	000007	1001020186	Nguyễn Phương	Ly	13/11/2004	KD10B	01	7	6,5	01	Ly	lẻ
8	000008	0901020644	Nguyễn Phương	Anh	01/12/2003	KD10D	01	8	7,8	01	Anh	chẵn
9	000009	1001020094	Nguyễn Thuý	Dương	12/02/2004	KD10D	01	9	6,0	01	Dương	lẻ
10	000010	1001020029	Lê Quỳnh	Anh	24/11/2003	KD10E	01	10	3,5	01	Anh	Chẵn
11	000011	1001021102	Nguyễn Thị Thảo	Anh	09/10/2004	KD10E	01	11	6,5	01	Anh	lẻ
12	000012	1001020601	Lưu Thùy	Linh	17/09/2004	KD10E	01	12	3,7	01	Thùy	HP chẵn
13	000013	1001020065	Trần Ngọc	Ánh	17/09/2004	KD10G	01	13	7,8	01	Ánh	lẻ
14	000014	1001020043	Nguyễn Thị Minh	Anh	20/10/2004	KD10H	01	14	3,5	01	Anh	chẵn
15	000015	0901020942	Nguyễn Thị Quế	Anh	11/12/2003	KD9D	01	15	2,0	01	Quế	lẻ
16	000016	0901020304	Nguyễn Thị Thu	Hồng	06/06/2003	KD9M	01	16	4,5	01	Hồng	HP chẵn
17	000017	0901020068	Hà Huyền	Linh	16/01/2003	KD9M	01	17	4,5	01	Linh	lẻ
18	000018	1001020078	Đỗ Mạnh	Cường	09/11/2004	KD10B	02	18	0,5	01	Cường	chẵn
19	000019	1001020132	Nguyễn Đức	Hoàn	20/08/2004	KD10B	02	19	3,8	01	Hoàn	lẻ
20	000020	1001020068	Nguyễn Ngọc	Bích	30/06/2004	KD10D	02	20	4,2	01	Bích	chẵn
21	000021	1001020105	Nguyễn Thị Thanh	Hà	06/06/2004	KD10D	02					HP, ĐK
22	000022	1001020153	Trần Quang	Khởi	21/11/2004	KD10D	02	21	7,2	01	Khởi	chẵn
23	000023	1001021023	Nông Hoàng	Nam	18/04/2004	KD10D	02	22	6,9	01	Nam	lẻ
24	000024	1001020051	Nguyễn Việt	Anh	14/04/2003	KD10E	02	23	Một	01	Anh	chẵn
25	000025	1001020163	Đỗ Thị	Linh	31/03/2004	KD10E	02	24	4,9	01	Đỗ	HP lẻ
26	000026	1001021012	Hoàng Hương	Ly	02/12/2004	KD10E	02	25	3,7	01	Ly	chẵn
27	000027	1001020070	Nguyễn Như	Bình	10/11/2004	KD10G	02	26	3,8	01	Bình	lẻ
28	000028	1001020157	Trần Thanh	Lâm	05/05/2004	KD10G	02	27	8,3	01	Lâm	Chẵn
29	000029	1001021745	Nguyễn Trà	My	27/03/2003	KD10G	02	28	7,5	01	My	lẻ
30	000030	1001020023	Đỗ Văn	Anh	23/12/2003	KD10H	02	29	0,5	01	Anh	chẵn
31	000031	1001020191	Nguyễn Ngọc	Mai	09/08/2004	KD10H	02	30	5,8	01	Mai	lẻ
32	000032	1001020194	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	11/08/2004	KD10H	02	31	7,8	01	Mai	chẵn
33	000033	0810210798	Phạm Mai	Linh	06/01/2002	KD9C	02	32	Không	01	Linh	lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
34	000034	0901020902	Phạm Ngọc	Hà	09/10/2003	KD9Đ	02					HP, DK
35	000035	0901020412	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	28/10/2003	KD9G	02	33	0,5	01	Ngân	Đ
36	000036	0901020497	Đào Ngọc	Minh	24/11/2003	KD9M	02					HP, DK
37	000037	1001030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/08/2004	QT10A	02	34	8,0	02	Duyên	Đ

Tổng số sinh viên dự thi:.....~~34~~ 35

Tổng số tờ giấy thi:.....~~35~~ 36

Tổng số biên bản:.....~~0~~ 1

Ngày 13 tháng 09 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Hg

Đỗ Thu Hương

Đ

Đặng Hoài Nam



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000038	1001020244	Trần Thục	Oanh	30/03/2004	KD10A	01	35	3,0	1	Cánh	chấn
2	000039	1001021057	Nguyễn Phương	Thảo	16/10/2004	KD10A	01	36	3,8	1	Thảo	HP
3	000040	1001020300	Vũ Thu	Thủy	23/07/2004	KD10A	01	37	một	1	Thủy	HP
4	000041	1001020314	Nguyễn Thị	Trang	08/08/2004	KD10A	01	38	3,8	1	Trang	HP
5	000042	1001020214	Hà Trọng	Nghĩa	24/03/2003	KD10B	01					HP,ĐK
6	000043	1001020222	Trịnh Minh	Ngọc	30/06/2004	KD10B	01	39	6,0	1	Ngọc	le
7	000044	1001021051	Phạm Như	Quỳnh	02/10/2004	KD10B	01	40	1,3	1	Quỳnh	HP
8	000045	0810210844	Bế Thu	Uyên	22/07/2002	KD10B	01	41	1,3	1	Uyên	le
9	000046	1001020846	Nguyễn Quỳnh	Phương	11/07/2004	KD10C	01	42	6,7	1	Phong	chấn
10	000047	1001021049	Lưu Thị Hồng	Quỳnh	18/12/2004	KD10C	01	43	2,3	01	Quỳnh	le
11	000048	1001021072	Nguyễn Ngọc	Trâm	28/10/2003	KD10C	01	44	3,9	01	Trâm	chấn
12	000049	1001020228	Đinh Yến	Nhi	03/02/2004	KD10D	01	45	7,5	01	Nhi	le
13	000050	1001021121	Hoàng Hồng	Nhung	01/12/2004	KD10D	01	46	6,9	01	Nhung	chấn
14	000051	1001020306	Nguyễn Thị Minh	Trâm	21/09/2004	KD10D	01	47	7,8	01	Trâm	le
15	000052	1001021579	Vũ Thị Kiều	Trang	15/01/2004	KD10E	01	48	8,7	01	Trang	chấn
16	000053	1001021082	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	22/09/2004	KD10E	01	49	6,2	01	Tuyết	le
17	000054	1001020308	Chu Thị Huyền	Trang	27/10/2004	KD10G	01	50	4,8	01	Trang	chấn
18	000055	1001020653	Bùi Thị	Nhung	09/09/2004	KD10H	01	51	3,8	01	Nhung	le
19	000056	1001020254	Trương Thu	Phương	25/10/2004	KD10H	01	52	5,3	01	Phường	HP
20	000057	1001021447	Đỗ Lê Minh	Trang	25/05/2004	KD10H	01	53	6,8	01	Trang	
21	000058	1001020275	Khúc Phương	Thảo	21/12/2004	KD10A	02	54	5,9	01	Thảo	chấn
22	000059	1001021046	Nguyễn Thị Ánh	Phương	10/02/2004	KD10D	02	55	8,1	01	Ánh	le
23	000060	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	02	56	3,5	01	Thúy	chấn
24	000061	1001021560	Nguyễn Thủy	Phương	07/08/2004	KD10E	02	57	5,8	02	Phường	le
25	000062	1001021572	Phan Thị	Thom	29/12/2003	KD10E	02	58	6,0	02	Phan	chấn
26	000063	1001020335	Đinh Quang	Vinh	11/02/2004	KD10E	02	59	một	01	Vinh	le
27	000064	1001021035	Hoàng Nguyệt	Nhi	09/05/2004	KD10G	02	60	9,0	01	Nhi	chấn
28	000065	1001020288	Cao Thị	Thi	20/02/2004	KD10G	02	61	4,4	01	Phu	le
29	000066	1001020900	Mẫn Thị	Trang	28/05/2004	KD10G	02	62	7,5	01	Trang	HP
30	000067	1001020281	Nguyễn Phương	Thảo	14/09/2004	KD10H	02	63	5,3	01	Thảo	le
31	000068	1001021731	Phạm Thị Phương	Thảo	11/03/2004	KD10H	02	64	4,0	01	Thảo	chấn
32	000069	1001021428	Hoàng Mỹ	Uyên	04/12/2004	KD10H	02	65	4,3	01	Uyên	le
33	000070	1001020342	Nguyễn Thị	Yên	22/02/2004	KD10H	02	66	8,0	01	Yên	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
34	000071	0810211204	Nguyễn Trần Thiên	Son	26/07/2002	KD8D	02					HP,DK
35	000072	0810211042	Nguyễn Thu	Phuong	06/04/2002	KD8H	02					HP,DK
36	000073	0901020161	Đinh Thị	Trang	14/03/2003	KD9G	02	67	3,0	1	Trang	Lẻ
37	000074	0901020190	Võ Thùy	Trang	29/10/2003	KD9H	02	68	6,4	1	Trang	Chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: ...34...

Tổng số tờ giấy thi: ...36...

Tổng số biên bản:


Ngày tháng Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2


 